

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2021
“V/v tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào

Ông Nguyễn Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Thị Xả Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 312/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09/10/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Dương T, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh Trần Quốc Q, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 16/9/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Dương T trình bày:

Chị và anh Trần Quốc Q quen biết nhau trên tỉnh Long An và tìm hiểu nhau được hai năm thì quyết định kết hôn với nhau, anh chị có tổ chức đám cưới vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G vào ngày 28/2/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà trọ đi làm công nhân trên tỉnh Long An và sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Q không lo làm ăn, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh Q đã bỏ đi và vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không liên lạc và không gặp nhau nên chị T đã suy nghĩ rất kỹ không thể tiếp tục đời sống hôn nhân được nữa vì chị không còn tình cảm với anh Q, do đó chị T yêu cầu ly hôn với anh Q.

Thời gian chung sống với nhau chị và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân chị Lý Dương T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc Q; Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Quốc Q không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Q không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Lý Dương T được ly hôn với anh Trần Quốc Q; Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Lý Dương T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Q được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Trần Quốc Q với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Lý Dương T và anh Trần Quốc Q xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/02/2018, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh Q vì lý do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt nên thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng đã tự ly thân với nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Đối với anh Trần Quốc Q, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải đoàn tụ với nhau

nhưng anh Q đều không có mặt. Tại phiên tòa, chị T khai rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã không thể hàn gắn, chị cũng không còn tình cảm với anh Q nên chị cương quyết ly hôn với anh Q. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa chị T và anh Q mới phát sinh mâu thuẫn và không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng chị không có con chung, không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với bị đơn anh Trần Quốc Q đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh Q vẫn không có mặt tại Tòa án để cung cấp chứng cứ và lời khai, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”. Do vậy, sau khi thẩm tra, xác minh cho thấy anh Q vẫn còn hộ khẩu tại địa phương và Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 180, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lý Dương T được ly hôn với anh Trần Quốc Q.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lý Dương T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005259, ngày

09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Danh Thị Kiều Oanh